TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2017
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Điều**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sơn**

2. Ông **Nguyễn Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp *"Ly hôn "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Huỳnh Thị Diễm T, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp VT, xã VX, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (đề nghị xét xử vắng mặt).

2.Bị đơn: Lê Hoàng V, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp NH, xã HB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/10/2017 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Diễm TY trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Diễm T và bị đơn anh Lê Hoàng V thành hôn và có đăng ký kết hôn ngày 18/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở tự nguyện. Thời gian chung sống được 07 năm, quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, hiện anh, chị không còn chung sống với nhau khoảng 06 tháng nay.

Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh V.

Về nuôi con : Không có.

Về chia tài sản: Chị T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý vụ án và gửi các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho anh V đồng thời triệu tập các đương sự đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng phía anh V không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về yêu cầu khởi kiện của chị T và không tham gia phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải,nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa chị T, anh V, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập đương sự đến tham gia phiên toà nhiều lần, nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh V vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Diễm T làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Lê Hoàng V nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự

Chị Huỳnh Thị Diễm T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh V không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân : Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Diễm T và bị đơn anh Lê Hoàng V thành hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẩn vợ chồng do bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh V. Phía anh V đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia phiên họp, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng anh V không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết về việc xin ly hôn của chị T và không đến Toà án giải quyết việc kiện với chị T. Điều này, chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh V là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Anh, chị không có con chung.

Về chia tài sản: Chị T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm : Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng, chị T không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, điểm b, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Diễm T. Xử cho nguyên đơn chị Huỳnh Thị Diễm T được ly hôn với bị đơn anh Lê Hoàng V

2.Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Diễm T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng),* khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0014172 ngày 23/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, chị T không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Điều

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.